

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 580 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 / 7 / 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phùng Văn Long**.

2/ Ông **Nguyễn Đức Duy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Diễm K**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Diễm K trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn S chung sống với nhau vào năm 1991, đến năm 1993 chị và anh S đã ly hôn. Năm 1994 chung sống với nhau, đến ngày 20/7/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh

Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S không quan tâm chăm sóc vợ con, anh S thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh S, chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh năm 1993 đã trưởng thành và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 08/02/2007, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** *Tại biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn S trình bày:***

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị K về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Theo anh vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì, anh không biết nguyên nhân gì vợ anh xin ly hôn với anh. Anh và chị K đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh năm 1993, đã trưởng thành và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 08/02/2007. Nay nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị K ly hôn, tùy quyền quyết định của con, nếu cháu T1 muốn sống với anh thì anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Diễm K, cho chị K được ly hôn với anh S. Giao con chung Lê Thị Minh T1, sinh ngày 08/02/2007 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K chưa có yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Diễm K, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm K và anh Lê Văn S chung sống với nhau vào năm 1991, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày của chị K, anh S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian đầu sau khi kết hôn chị K và anh S chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S không quan tâm chăm sóc vợ con, anh S thường hay chửi mắng, có hành vi bạo hành chị K. Chị K và anh S đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, thời gian phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị K và anh S đã kéo dài, anh S không đồng ý ly hôn với chị K nhưng lại không đưa ra được giải pháp thiết thực để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa chị K không đồng ý tiếp tục chung sống với anh S. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa Kiều và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ là không có, do đó, chị K yêu cầu ly hôn với anh S là có là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị K và anh S có 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh năm 1993, đã trưởng thành và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 08/02/2007. Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Anh S có ý kiến tùy quyền quyết định của cháu T1 muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Thị Minh T1 đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng sống với chị K. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu T1, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Minh T1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Diễm K.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm K được ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Minh T1, sinh ngày 08/02/2007 cho chị Lê Thị Diễm K trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn S được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Diễm K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị K đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020521 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Lê Thị Diễm K và anh Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn